

Bài 20. VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

- Nắm được các đặc điểm cơ bản về vùng Đồng bằng sông Hồng, giải thích một số đặc điểm của vùng như đông dân, nông nghiệp thâm canh, cơ sở hạ tầng kinh tế – xã hội phát triển,...
- Đọc được lược đồ, kết hợp với kênh chữ để giải thích được một số ưu thế, một số nhược điểm của vùng đồng dân và một số giải pháp để phát triển bền vững.

II – MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý

Đồng bằng sông Hồng giữ vị trí trung tâm kinh tế, khoa học – công nghệ và nhiều mặt khác của đất nước.

- Đồng bằng sông Hồng là một vùng kinh tế không trùng khớp với châu thổ sông Hồng là sản phẩm bồi đắp của dòng sông cùng tên. Do đó, GV cần hướng dẫn cho HS phân biệt châu thổ sông Hồng có diện tích nhỏ hơn vùng Đồng bằng sông Hồng do có vùng đất giáp với Trung du miền núi Bắc Bộ và ranh giới phía bắc vùng Bắc Trung Bộ (địa giới phía bắc tỉnh Thanh Hoá). Trên vùng biển vịnh Bắc Bộ còn có đảo Cát Bà, đảo Bạch Long Vĩ là hai đơn vị hành chính cấp huyện của thành phố Hải Phòng. GV cần lưu ý về sự thay đổi địa giới (tỉnh Hà Tây đã được sáp nhập vào thành phố Hà Nội từ 1/8/2008).

– Cảnh quan tự nhiên của Đồng bằng sông Hồng chịu sự tác động sâu sắc của con người, trước hết là hệ thống đê điều ven sông, ven biển, và chịu sự tác động trực tiếp của thuỷ chế sông Hồng là vùng đất ngoài đê. Vùng ô trũng ngập nước phía tây các tỉnh Hà Nam, Ninh Bình là hệ quả trực tiếp của hệ thống đê điều được xây dựng từ bao đời nay.

– Trên nền nhiệt đới gió mùa ẩm có mùa đông lạnh do chịu sự tác động của những đợt gió mùa đông bắc nên vụ đông có điều kiện trở thành vụ sản xuất chính, một điều kiện quan trọng để đẩy mạnh thâm canh tâng vụ, đáp ứng khối lượng lớn lương thực, thực phẩm cho vùng và các vùng lân cận.

– Về mặt dân cư, điểm nổi bật là đông dân, nguồn lao động dồi dào, có trình độ thâm canh cao. Nơi đây có quá trình đô thị hóa sớm nhất đất nước.

III – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CẦN THIẾT

- Lược đồ tự nhiên vùng Đồng bằng sông Hồng.
- HS mang theo máy tính bỏ túi.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY BÀI MỚI

1. Gợi ý dạy mục I : Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ

GV dùng bản đồ và yêu cầu HS xác định đường ranh giới vùng và nêu tên các vùng tiếp giáp như Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ. Sau đó xác định vị trí các đảo Cát Bà và Bạch Long Vĩ trong vịnh Bắc Bộ.

GV gợi ý đánh giá vị trí địa lí của vùng Đồng bằng sông Hồng.

2. Gợi ý dạy mục II : Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

GV dùng lời để gợi ý HS thảo luận ba câu hỏi trong SGK, trong đó tập trung vào câu hỏi đầu.

GV có thể gợi ý để HS phân biệt vùng Đồng bằng sông Hồng và chau thổ sông Hồng. Cân khắc sâu vai trò của sông Hồng đối với vùng kinh tế cùng tên này. Nhìn chung có thể quy về một số ý nghĩa cơ bản : bồi đắp phù sa, mở rộng diện tích về phía vịnh Bắc Bộ. Do đặc điểm thuỷ chế sông Hồng nên phải có hệ thống đê điều ven sông, ven biển vững chắc để bảo vệ sản xuất, tính mạng và tài sản của nhân dân. Đồng bằng sông Hồng là vùng đông dân, nông nghiệp trù phú, công nghiệp và đô thị diễn ra sôi động.

Sử dụng đất được coi là một trong những vấn đề trọng tâm của vùng. Trong điều kiện quỹ đất có hạn, dân số đông, nên phải biết tiết kiệm và sử dụng hợp lý cho hôm nay và thế hệ mai sau. Khoáng sản chủ yếu của Đồng bằng sông Hồng là đá xây dựng với trữ lượng lớn ở vùng rìa đồng bằng ; khí đốt với trữ lượng nhỏ ở Tiền Hải (Thái Bình). Tài nguyên du lịch và tài nguyên biển khá phong phú.

3. Gợi ý dạy mục III : Đặc điểm dân cư, xã hội

GV cần tập trung vào hai ý lớn :

– *Thứ nhất* : GV yêu cầu HS làm phép tính chia mật độ dân số trung bình của vùng Đồng bằng sông Hồng cho mật độ dân số Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên và cả nước. Kết quả tính toán dùng để so sánh xem mật độ dân số đồng bằng này gấp bao nhiêu lần trị số trung bình của cả nước và các vùng. GV hướng dẫn HS suy luận những khó khăn và thuận lợi có liên quan tới dân số quá đông.

– *Thứ hai* : Tuy là vùng đông dân nhất nước, nhưng Đồng bằng sông Hồng có trình độ phát triển dân cư, xã hội khá cao. GV hướng dẫn HS căn cứ các chỉ tiêu phát triển dân cư, xã hội, để đưa ra để nhận xét và giải thích theo yêu cầu của câu hỏi.

HS cần nhận thức được vấn đề nổi lên hiện nay là việc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển bền vững của vùng.

V – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI KHÓ

– Câu hỏi mục III.1. *Mật độ dân số cao ở Đồng bằng sông Hồng có những thuận lợi và khó khăn gì trong sự phát triển kinh tế – xã hội ?* GV cần gợi ý HS thảo luận theo trình tự :

+ *Thuận lợi* : nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu dùng rộng lớn. Hơn nữa, người dân ở Đồng bằng sông Hồng có trình độ thâm canh nông nghiệp lúa nước, giỏi nghề thủ công, tỉ lệ lao động qua đào tạo tương đối cao ; đội ngũ trí thức, kỹ thuật và công nghệ đông đảo.

+ *Khó khăn* : bình quân đất nông nghiệp (đặc biệt là đất trồng lúa) hiện ở mức thấp nhất trong cả nước ; tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở

nông thôn cao hơn mức trung bình toàn quốc ; nhu cầu lớn về việc làm, y tế, văn hoá, giáo dục ngày càng cao, đòi hỏi đầu tư lớn.

– Gợi ý trả lời câu 2 trong phần Câu hỏi và bài tập : "Tầm quan trọng của hệ thống đê điều ở Đồng bằng sông Hồng". Nhờ hệ thống đê điều được xây dựng từ lâu đời mà Đồng bằng sông Hồng tránh được nguy cơ phá hoại của lũ lụt hàng năm do sông Hồng gây ra, đặc biệt vào mùa mưa bão ; diện tích đất phù sa vùng cửa sông Hồng không ngừng mở rộng. Địa bàn phân bố dân cư được phủ khắp châu thổ. Làng mạc trù phú, dân cư đông đúc ; nông nghiệp thâm canh tăng vụ ; công nghiệp, dịch vụ phát triển sôi động. Nhiều di tích lịch sử, giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể được lưu giữ và phát triển.

Hệ thống đê điều được coi là nét đặc sắc của nền văn hoá sông Hồng, văn hoá Việt Nam. Nghiêm chỉnh thực hiện Luật bảo vệ đê điều là nghĩa vụ và trách nhiệm công dân của người Việt Nam, trước hết là của người dân hiện đang sống ở Đồng bằng sông Hồng.

– Gợi ý làm bài tập 3. *Vẽ biểu đồ cột thể hiện bình quân đất nông nghiệp theo đầu người ở Đồng bằng sông Hồng và cả nước năm 2002* (dựa vào bảng số liệu 20.2). Để làm bài tập này, GV cần hướng dẫn HS lập bảng số liệu bằng cách : lấy đất nông nghiệp chia cho số dân tương ứng, đơn vị ha/người. Kết quả như sau :

**Bình quân đất nông nghiệp theo đầu người
ở Đồng bằng sông Hồng và cả nước năm 2002 (ha/người)**

(Đơn vị : ha/người)

Vùng	Bình quân
Cả nước	0,12
Đồng bằng sông Hồng	0,05

Trục tung của biểu đồ được chia đều thành 15 đoạn, mỗi đoạn tương ứng với 0,01 ha. Xác định gốc của hai cột tương ứng với bình quân đất đầu người của cả nước và của Đồng bằng sông Hồng trên trực hoành ; đỉnh cột cả nước tương ứng với 0,12 ha, còn đỉnh cột Đồng bằng sông Hồng tương ứng với 0,05 ha. Sau đó GV hướng dẫn HS nhận xét.